# Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế *Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập,*

# Hà Nội: Viện Ngôn ngữ học, 2014. tr. 714-738

# MỘT SỐ ĐẶC THÙ

# CỦA KẾT CẤU VỊ TỪ CHUỖI TIẾNG VIỆT

**Lâm Quang Đông**\*

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Kết cấu Vị từ chuỗi (Serial Verb Construction SVC) là một hiện tượng phổ biến trong nhiều ngôn ngữ trên thế giới như các ngôn ngữ lai tạp (Creole), Tây Phi, ngôn ngữ vùng Đông Nam Á, trong đó có tiếng Việt, và đã được các nhà nghiên cứu tập trung khảo sát nhiều ở các ngôn ngữ đó, nhưng chủ yếu là về mặt cú pháp. Riêng trong tiếng Việt, mới chỉ có một vài công trình đề cập đến SVC ở mức độ khá hạn chế hoặc rải rác, có lẽ là do bản chất phức tạp của SVC nói riêng, và tiếng Việt nói chung vì từ trong tiếng Việt – một ngôn ngữ đơn lập, phân tích tính – không biến đổi hình thái và nhiều vị từ có thể đứng cạnh nhau thành chuỗi mà không có dấu hiệu hình thức thật rõ rệt để đánh dấu sự kết thúc các tiểu đơn vị trong chuỗi.

 Aikhenvald và Dixon (2006: 1 - 4) đã tổng kết rằng về cơ bản, các nhà ngôn ngữ học trên thế giới đều thống nhất ở những điểm, những tiêu chí nhận diện sau về SVC:

“Kết cấu Vị từ chuỗi (SVC) là một chuỗi vị từ phối hợp hoạt động cùng nhau như một vị thể đơn nhất mà không có dấu hiệu đánh dấu hiển ngôn sự phối hợp

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\*Tiến sĩ, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: volamthudong@gmail.com

hoặc phụ thuộc, phi độc lập về cú pháp giữa chúng. Kết cấu SVC mô tả đối tượng

được ý niệm hoá như một sự tình đơn nhất. Chúng có tính đơn cú; thuộc tính ngữ điệu của chúng giống như mệnh đề đơn động, và chúng chỉ có một giá trị thời, thể và cực. SVC có thể chung tham thể lõi cũng như các tham thể khác. Mỗi thành tố của SVC có khả năng tự đứng độc lập được. Trong một SVC, mỗi vị từ riêng biệt có thể có các giá trị ngoại hướng, chuyển tác như nhau hoặc khác nhau.

Một vị từ trong SVC có thể mô tả tác động của vị từ kia. SVC có thể chỉ một chuỗi hành động hoặc tạo thành các thành ngữ. Chúng có thể gồm 2 hoặc hơn 2 vị từ. Kết cấu SVC là một thủ pháp ngữ pháp với vô vàn nghĩa và chức năng khác nhau. Chúng không tạo nên một phạm trù ngữ pháp đơn nhất. Chúng có nhiều điểm giống về ngữ nghĩa và chức năng như các kết cấu phụ thuộc và đa cú trong các ngôn ngữ phi SV. SVC cung cấp một cách thống nhất loại thông tin mà trên ngữ pháp bề mặt của các ngôn ngữ như tiếng Anh phải được thể hiện bằng hàng loạt các công cụ phụ thuộc hình thức như động từ nguyên dạng để bổ sung, bổ ngữ dạng đuôi –*ing,* trợ động từ tình thái, trạng từ, giới ngữ, thậm chí là cả các mệnh đề phụ thuộc.

Kết cấu SVC có nhiều hình thức khác nhau. Chúng có thể gồm nhiều từ khác nhau. Các thành tố của chúng có thể luôn luôn gắn kết với nhau, hoặc có thể cho phép một hoặc nhiều thành tố khác chen vào. Một số phạm trù động từ phải được đánh dấu ở tất cả các vị từ trong chuỗi, hoặc chỉ đánh dấu một lần trong toàn chuỗi. Tất cả các thành tố trong SVC có thể chung chủ ngữ, hoặc một hay nhiều tham thể khác, ví dụ như tân ngữ của vị từ đầu đồng thời là chủ ngữ của vị từ thứ hai. Việc chung nhau một hay nhiều tham thể khiến SV thể hiện một sự tình đơn nhất với độ cấu kết cao, chặt chẽ.”

Tuy nhiên, để xác định và xây dựng được mô hình cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu với vị từ chuỗi tiếng Việt, cần phải giải quyết tiếp một số vấn đề có tính khái niệm. Khi áp dụng những lý luận đối với SVC ở các ngôn ngữ khác vào tiếng Việt, cần phải điều chỉnh cách tiếp cận cho phù hợp với thực tế của tiếng Việt. Theo chúng tôi, trước tiên phải xử lý một số vấn đề sau:

1. xác định đâu là vị từ chủ đạo, chi phối trong kết cấu để xây dựng mô hình cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu – nói cách khác, SVC có một trung tâm hay nhiều trung tâm (trong khi Baker (1989) khẳng định là SVC có trung tâm kép);
2. các vị từ trong kết cấu SVC có chung tham tố (argument) hay tham thể (participant) hay không, và nếu chung thì theo phương thức nào, làm tăng ngữ trị của vị từ như thế nào;
3. văn hóa và cách tri nhận đặc thù của từng nền văn hóa tác động tới việc ý niệm hóa sự tình như thế nào để có thể xác định như thế nào là một sự tình đơn nhất do SVC thể hiện; và
4. xử lý từ đa nghĩa hoặc đồng âm như thế nào để xác định kết cấu nào là SVC, kết cấu nào không.

Đây là những nhận xét chủ quan, ban đầu của chúng tôi qua đề tài nghiên cứu của mình, song chúng tôi xin mạnh dạn trình bày trong Hội thảo này để xin ý kiến trao đổi, góp ý và chỉ giáo của quý vị đại biểu.

**2. MỘT SỐ ĐẶC THÙ CỦA SVC TIẾNG VIỆT**

Để xác định và xây dựng được mô hình cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu với vị từ chuỗi tiếng Việt, cần phải giải quyết tiếp một số vấn đề có tính khái niệm. Nhiều vấn đề lý luận đã được đưa ra trong các công trình trước, như chúng tôi đã tổng kết trong chương 1, song khi áp dụng vào tiếng Việt cần phải điều chỉnh cách tiếp cận cho phù hợp với thực tế của tiếng Việt. Đó là các vấn đề: xác định đâu là vị từ chủ đạo, chi phối trong kết cấu để xây dựng mô hình cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu – nói cách khác, SVC có một trung tâm hay nhiều trung tâm (trong khi Baker khẳng định là SVC có trung tâm kép); các vị từ trong kết cấu có chung tham tố (argument) hay tham thể (participant) hay không, và nếu chung thì theo phương thức nào, làm tăng ngữ trị như thế nào; văn hóa và cách tri nhận đặc thù của từng nền văn hóa tác động tới việc ý niệm hóa sự tình như thế nào để có thể coi là một sự tình đơn nhất; và xử lý từ đa nghĩa hoặc đồng âm như thế nào để xác định kết cấu nào là SVC, kết cấu nào không.

## 2.1 Vị từ chủ đạo, chi phối

 Trong những phần trước, chúng tôi đã thể hiện phần nào quan điểm về việc coi vị từ nào là chủ đạo và/hoặc chi phối trong kết cấu. Tuy nhiên, trong phần này, chúng tôi làm rõ thêm một số khía cạnh quan yếu về vị từ chủ đạo và/hoặc chi phối trong kết cấu để từ đó xác định cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu.

Nói chung, trong các ngôn ngữ phi SVC (non-serializing languages), đặc biệt là ngôn ngữ biến hình, việc xác định đâu là vị từ chủ đạo, chi phối trong kết cấu đa động tương đối dễ dàng qua hình thái được chia hay không được chia (finite/non-finite) của chúng. Ngay cả khi chúng được sử dụng ở dạng không chia thì cũng có thể phân biệt được đâu là vị từ chính, đâu là vị từ phụ thuộc nhờ các hình thức cú pháp khác. Chẳng hạn, trong trường hợp sau của tiếng Anh:

* By this time next month, he will have gone to study abroad.

 Bằng giờ tháng sau, cậu ấy đã đi du học nước ngoài rồi.

*to study* là động từ nguyên dạng đầy đủ, thể hiện mục đích của việc *cậu ấy đi*; giữa hai dạng không chia của động từ là *to study* và *gone* (phân từ quá khứ) dễ dàng phân biệt được *gone* là vị từ chính trong câu, và vì phải thể hiện thời tương lai hoàn thành của sự tình *đi* nên hình thức của động ngữ phải bao gồm các thành tố ngữ pháp thuần túy *will* và *have* chứ không phải vị từ chủ đạo, chi phối trong câu. Căn cứ vào vị từ chính, có thể xác lập cấu trúc nghĩa của câu tương đối đơn giản: Tác thể V (Hướng, Đích, Phương thức, Mục đích, v.v.), trong đó Tác thể là Diễn tố, luôn luôn hiện diện hiển ngôn ở vị trí Chủ ngữ của câu, còn các tham thể khác như Hướng, Đích, Phương thức, Mục đích, v.v. là các tham thể không bắt buộc, có hiện diện hay không là tùy thuộc từng ngữ cảnh cụ thể. Aikhenvald (2006:12) đã phát biểu: “Kết cấu vị từ chuỗi có thể không phải là chuỗi tiểu sự tình kết hợp với nhau mà là các kết cấu có trung tâm nghĩa, thể hiện một sự tình do vị từ chính – vị từ ở lớp mở – mô tả, trong khi vị từ kế tiếp thuộc lớp đóng đơn thuần chỉ mô tả cụ thể hơn về ngữ pháp.”

Tuy nhiên, tình hình đối với SVC tiếng Việt và một số tổ hợp tương tự trong tiếng Anh không đơn giản chỉ căn cứ vào việc động từ thuộc lớp đóng hay mở như vậy. Đối với SVC bất cân xứng, có thể áp dụng xu hướng chung như ở nhiều ngôn ngữ khác là vị từ xuất hiện đầu tiên sát với chủ ngữ nhất, chịu gánh nặng ngữ pháp lớn nhất được coi là vị từ chủ đạo, chi phối trong câu và căn cứ vào vị từ đó mà xác lập cấu trúc nghĩa của câu, như Nguyễn Tài Cẩn (2004), Nguyễn Kim Thản (1977) hay Diệp Quang Ban (2005) đã đề xuất. Chẳng hạn,

* Phen này chúng quyết đi buôn cối (Tú Xương)
* Quốc Toản bóp nát quả cam (Truyện lịch sử)

Vị từ chính V1 là *quyết, bóp*, còn các vị từ phía sau đảm nhiệm các vai nghĩa mà V1 đòi hỏi. Việc xác định cấu trúc nghĩa của câu được tiến hành theo từng bậc:

* Phen này chúng quyết đi buôn cối
1. *ai? quyết làm gì? –*  Tác thể V1 Sự tình (= V2)
2. *đi đâu? / đi làm gì? –* V2 Hướng/Đích hoặc V2 Mục đích (= V3)
3. *buôn gì? –* V3 Đối thể
* Quốc Toản bóp nát quả cam
1. *ai?* bóp *cái gì?* – Tác thể V1 Thụ thể
2. quả cam *thế nào?* – Thụ thể V2 (= Kết quả)

*quyết* là một vị từ khuyết, đòi hỏi phải có một vị từ khác đi kèm để bổ nghĩa cho nó; còn *bóp* là hành động chính dẫn tới kết quả là *quả cam nát*. Với những SVC kiểu này, có thể kết luận được ngay vị từ nào là chủ đạo, chi phối. Nhưng với trường hợp SVC cân xứng sau:

* Đại Lãn nằm chờ dưới gốc sung
* Mẹ ngồi ru con đong đưa võng buồn (Trịnh Công Sơn)

*nằm* và *ngồi* thuần túy là nội động từ (intransitive) và là động từ đầy đủ nghĩa từ vựng (full lexical verb); chúng chẳng đòi hỏi tham thể nào khác bổ nghĩa cho chúng; nếu có thì chỉ là những chu tố thông thường chỉ phương thức, làm rõ thêm tư thế *nằm, ngồi* như *nằm nghiêng, nằm ngửa, nằm sấp, ngồi ngả ngớn, ngồi chồm hỗm, ngồi bệt, ngồi xổm*, v.v. Nói cách khác, *nằm, ngồi* không chi phối (các) vị từ đi sau nó trong SVC, và tiếng Việt không biến hình nên *nằm, ngồi* không có hình thái gì đặc biệt để xác định chúng chịu gánh nặng ngữ pháp lớn nhất trong câu như động từ được chia trong tiếng Anh, tức là khó tìm được một lý do ngữ pháp hay ngữ nghĩa nào để kết luận ngay rằng *nằm, ngồi* – những vị từ đầu tiên trong chuỗi – chiếm vai trò chủ đạo, chi phối trong câu. Chúng chỉ thể hiện rõ vai trò chi phối trong những chuỗi vị từ mà vị từ đi sau đảm nhiệm vai Phương thức, giống như những từ/cụm từ vừa kể ở trên, chẳng hạn như *ngồi tựa mạn thuyền, nằm duỗi dài trên cỏ*, *nằm khểnh bắt chân chữ ngũ,* còn trong những SVC như *đứng đợi, nằm chờ, ngồi ru*, vai trò của chúng dường như không quan trọng bằng vị từ thứ hai trong câu là *đợi, chờ, ru*. Có thể thấy rõ điều đó qua những câu hỏi như:

* Không về đi còn đứng đấy làm gì?
* Không dậy đi còn nằm đấy làm gì?

người hỏi chỉ quan tâm tới hành động đằng sau, thông tin chính và mới đằng sau *nằm, đứng, ngồi* chứ không phải là hành động xảy ra ở tư thế nào. Trong dạng phủ định:

* Anh ấy không ngồi viết thư

thì phạm vi phủ định (scope of negation) không bao hàm *ngồi* mà chỉ bao hàm *viết thư*, nghĩa là *anh ấy ngồi làm gì đó* nhưng không phải *viết thư*. Cũng vì vậy trong tiếng Việt không thể nói

 \*Đại Lãn chờ nằm dưới gốc sung

 \*Sáng hôm sau, Điền viết ngồi …

và dạng (?!) Anh ấy không viết thư ngồi (mà là đứng)

chắc chắn khó được chấp nhận, trừ những trường hợp đặc biệt như những câu tục ngữ, ca dao:

* Làm ruộng ăn cơm nằm

 Nuôi tằm ăn cơm đứng

chỉ sự vất vả, khó nhọc và bận rộn của nghề trồng lúa, nghề chăn tằm ươm tơ, hoặc

Con chó khóc đứng khóc ngồi

 Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riềng

trong đó *nằm*, *đứng, ngồi* là thông tin mới, được nhấn mạnh nhưng *ăn, khóc* mới là vị từ chi phối trong câu.

 Với một số loại SVC cân xứng, trong đó có nhiều tổ hợp vốn được gọi tên là từ ghép song song hay từ ghép đẳng lập, việc xác định vị từ nào là chủ đạo còn khó khăn hơn, thậm chí là không thể, bởi cả 2 vị từ, hoặc tất cả các vị từ dường như đều có vị thế như nhau, và không nằm trong *lưới tê-ta* ngữ nghĩa của nhau (theta-grid, hoặc subcategorization, thuật ngữ của Lý thuyết Chi phối và Ràng buộc), ví dụ:

* Vết chân cu cậu mới ra vào còn nhẵn thin thín (Tô Hoài)
* Bà đứng ngồi không yên (Nam Cao)
* Những gã tài hoa thì gảy đàn thổi sáo cùng nhau ca hát nhảy múa linh đình đến tận sáng bạch (Tô Hoài)

Tiếng Việt còn có một hiện tượng phổ biến là khó phân định rạch ròi giữa tiếng, từ và hình vị. Do đặc điểm đơn tiết của tiếng Việt, tiếng có thể trùng với hình vị cũng như từ. Vì thế, nhiều vị từ có thể tách ra thành những đơn vị độc lập được, cả về nghĩa lẫn cú pháp, và với một số kết cấu, khó có thể xác định ngay chúng là SVC hay không.

 Rõ ràng là khó có thể có một quy luật khái quát, áp dụng được cho mọi loại SVC đối với việc xác định vị từ nào là trung tâm chi phối trong chuỗi. Mặt khác, có một số loại SVC cân xứng mà các vị từ trong chuỗi có tư cách như nhau. Điều đó cũng có nghĩa là SVC có thể có một hoặc nhiều trung tâm về nghĩa chứ không chỉ là trung tâm đơn hay kép. Do vậy, việc phân tích cấu trúc nghĩa của câu dựa vào vị từ chủ đạo không phải lúc nào cũng thực hiện được một cách dễ dàng và có thể có nhiều cách phân tích khác nhau, dẫn tới các cấu trúc nghĩa khác nhau. Chẳng hạn, có thể áp dụng cách phân tích theo từng bậc, như chúng tôi đã đề xuất (Lâm Quang Đông, 2011) đối với trường hợp

* Bà đi mời ăn cưới con gái khắp cả làng.

Lần lượt từ trái qua phải theo thứ tự xuất hiện của các vị từ, sẽ xác định được các mô hình cấu trúc nghĩa như sau:

1. *ai*?đi *đâu*? *để làm gì*? – *Bà* đi *khắp cả làng* [để] *mời ăn cưới con gái*
2. *ai* mời? mời *ai? cái gì/làm gì?* – *Bà ..* mời, mời [cả làng] *ăn cưới con gái*
3. *ai?* ăn*,* ăn *gì?* –[cả làng] ăn[cỗ] *cưới con gái*
4. *ai?* cưới / cưới *ai?* – cưới *con gái*

Ở tiểu sự tình (i), *đi* là vị từ với các tham thể Tác thể (*ai*), Hướng (đi *đâu*), Mục đích (*để làm gì*). Ở tiểu sự tình (ii), *mời* là vị từ với các tham thể Tác thể (*ai*) và Đối thể 1 (*gì*). Đối thể 1 này lại tiếp tục là tiểu sự tình (iii), với động từ *ăn* và các tham thể Tác thể (*ai*) và Đối thể 2 (*gì*), trong đó Tác thể không được thể hiện hiển ngôn. Đến lượt nó, Đối thể 2 lại là một tiểu sự tình khác, gồm động từ *cưới* và *con gái* là một đối tượng tham gia tiểu sự tình *cưới* mà vai nghĩa khá khó xác định, tương tự như các tham thể trong sự tình *hôn* mà Gasser (2006) đã thảo luận. Tương tự như vậy, đối với những trường hợp

* Sáng hôm sau, Điền ngồi viết
* Mẹ ngồi ru con

áp dụng cách thức đó, có thể xác định cấu trúc nghĩa của câu như sau:

* *Sáng hôm sau, Điền ngồi viết*

 Thời gian Tác thể V1 Mục đích

 Tác thể V2

* *Mẹ ngồi ru con*

 Tác thể V1 Mục đích

Tác thể V2 Thụ thể

Cũng những trường hợp này, có thể có cách phân tích khác, với *viết* và *ru* là vị từ chủ đạo: *Điền viết ở tư thế nào, Mẹ ru con ở tư thế nào,*

* *Sáng hôm sau, Điền ngồi viết*

Thời gian Tác thể Tư thế V2

 Tác thể V1

* *Mẹ ngồi ru con*

Tác thể Tư thế V2 Thụ thể

Tác thể V1

Như vậy, đối với SVC tiếng Việt, vị từ đầu tiên xuất hiện (left-most), sát với chủ ngữ nhất (nếu chủ ngữ có hiện diện) có thể được coi là vị từ chủ đạo để từ đó xác định các thành phần khác trong cấu trúc nghĩa của câu theo thứ tự tầng bậc, nhưng không phải lúc nào vị từ này cũng là trung tâm chi phối các thành phần nghĩa khác của câu mà trung tâm nghĩa của câu có khi lại rơi vào vị từ thứ hai, tùy từng trường hợp cụ thể. Đồng thời, cũng có nhiều tổ hợp mà việc đảo trật tự của các thành tố không có ảnh hưởng tới vị thế của chúng, như *than thở* và *thở than*. Tuy nhiên, nói chung, dù SVC có thể gồm nhiều hơn 2 vị từ nhưng vai trò chính vẫn thiên về các vị từ xuất hiện sớm nhất trong chuỗi. Thực chất, các vị từ trong chuỗi cùng phối hợp với nhau để chi phối các thành phần nghĩa của câu, liên quan đến việc gia tăng ngữ trị do sự tham gia của các vị từ khác cùng với vị từ chủ đạo để tạo thành vị từ chuỗi (vấn đề này chúng tôi sẽ tiếp tục thảo luận sau). Nói cách khác, chúng tôi thiên về quan điểm cho rằng cấu trúc nghĩa của câu với SVC tiếng Việt có thể có nhiều trung tâm chứ không chỉ là trung tâm đơn hay trung tâm kép, khác với quan điểm của Baker.

## 2.2 Chung tham tố/tham thể

 Trong công trình trước (2008: 93-94), chúng tôi đã phân biệt hai thuật ngữ *tham tố (argument)* và *tham thể (participant)* như sau:

thuật ngữ tham thể - participant được dùng để gọi tất cả mọi thực thể (đối tượng) tham gia sự tình mà vị từ mô tả. Như vậy, thuật ngữ participant – tham thể ở đây không trùng với thuật ngữ participant (đối lập với non-participant) mà Frawley (1992) đã sử dụng. Thuật ngữ participant – tham thể trong chuyên luận bao hàm cả participant và non-participant của Frawley, tức là gồm cả diễn tố và chu tố. Đây cũng là điểm khác biệt giữa thuật ngữ tham thể trong chuyên luận này với thuật ngữ tham thể của Diệp Quang Ban (2004) (ông dùng tham thể để chỉ diễn tố, còn chu tố được ông gọi là Cảnh huống). Cách gọi này trong chuyên luận phù hợp với những quan điểm mới đây về vai nghĩa (Gildea và Jurafsky, 2002, Gasser, 2003, 2006; García-Miguel và Albertuz, 2005): tất cả đều được gọi là participant – đối tượng tham gia sự tình; sau đó tùy từng mức độ tham gia mà chúng được chia thành core participant – tham thể lõi/nòng cốt, basic participant – tham thể cơ bản hay diễn tố theo cách gọi thông thường, và peripheral participant – tham thể ngoại vi hay chu tố như thường gọi. Còn thuật ngữ tham tố được dùng để dịch thuật ngữ argument trong argument structure – cấu trúc tham tố bởi vì argument chỉ tương ứng với diễn tố chứ không bao gồm cả chu tố.

 Có sự phân biệt như vậy còn là do cấu trúc tham tố mới chỉ là cấu trúc gần với cấu trúc bề mặt (s-structure) mà cú pháp “nhìn thấy” được, trong khi cấu trúc nghĩa của câu còn nằm sâu hơn nữa, như sơ đồ sau cho thấy (theo quan điểm của nhiều tác giả như Chafe (1970), Langacker (1987), Jackendoff (1995, 2002), v.v.):

**Cấu trúc Bề mặt (Surface Structure)**

**Cấu trúc Tham tố (Argument Structure)**

**Cấu trúc Ngữ nghĩa (Semantic Structure)**

**Cấu trúc Ý niệm (Conceptual Structure)**

Cấu trúc ở tầng dưới quy định cấu trúc ở tầng trên, được khai triển/phóng chiếu (projected) hay ánh xạ (mapped) lên cấu trúc ở tầng trên theo nhiều nguyên tắc, quá trình phức tạp mà đề tài này của chúng tôi không thể đi sâu mô tả.

Đối với kết cấu SVC, nói chung nhiều tác giả theo hướng cú pháp học như đã điểm trong Chương 1 đều cho rằng các vị từ trong chuỗi có thể có chung một hay nhiều tham tố nào đó, trước hết là tham tố ngoài (external argument) hay chủ ngữ của câu, và tham tố trong (internal argument), tức tân ngữ của câu. Trong phần dưới đây, chúng tôi phân tích sâu hơn về bản chất của đối tượng tham gia sự tình, tức là các tham thể tham gia cấu trúc nghĩa của câu, và trong thực tế không có sự tương liên hoàn toàn một-đối-một giữa tham thể và tham tố, tức là một tham thể không phải lúc nào cũng chỉ được thể hiện bằng một tham tố và ngược lại.

Các vị từ trong chuỗi thường có chung đối tượng thực hiện hành động, hoặc khởi xướng hoặc kiểm soát hành động; nói cách khác, đối tượng này có thể cùng một lúc thực hiện, khởi xướng hoặc kiểm soát nhiều hành động khác nhau trong sự tình phức hợp do các vị từ trong chuỗi thể hiện. Do đặc điểm đó, đối tượng này thường đứng ở vị trí chủ ngữ của câu. Khó có thể dùng một vai nghĩa để chỉ đối tượng này, bởi đối với mỗi vị từ, đối tượng này có thể được phân những vai nghĩa khác nhau, ví dụ:

* Anh ta châm thuốc hút
* Gà nằm im giả chết
* Những gã tài hoa thì gảy đàn thổi sáo cùng nhau ca hát nhảy múa linh đình đến tận sáng bạch

*châm* và *hút* đều cùng chung một Tác thể[[1]](#footnote-2) *hắn*, còn *nằm, giả, chết* lại cùng chung một đối tượng *gà –* đối tượng này là Tác thể đối với *nằm* và *giả*, nhưng lại là Nghiệm thể đối với *chết*. Trong ví dụ tiếp theo, khó có thể nói cùng một Tác thể vừa *gảy đàn,* vừa *thổi sáo*, mặc dù có thể vừa *ca hát* vừa *nhảy múa*, hoặc luân phiên nhau, lúc thì *ca hát*, lúc thì *nhảy múa*, song ở đây *những gã tài hoa* là một tập hợp các Tác thể của những sự tình này. Các vị từ *gảy, thổi, ca/hát, nhảy/múa* phân vai Tác thể cho một đối tượng [+Người] (human) hoặc chí ít cũng là đối tượng [+Động vật] (animate) nào đó, có thể là số ít, có thể là số nhiều với những đặc điểm chung mà căn cứ vào đó có thể quy chúng thành một tập hợp (chủ ngữ gộp), do vậy đối tượng này được coi là Tham thể chung của các vị từ trong chuỗi. Hai SVC *ca hát* và *nhảy múa* cũng là một trường hợp thú vị của tiếng Việt: hai vị từ lặp nghĩa của nhau, mặc dù nếu dùng riêng biệt, mỗi vị từ có thể có những nét nghĩa, sắc thái khác biệt.

 Tuy nhiên, như chúng tôi đã thảo luận qua những ví dụ cụ thể trên, việc có chung đối tượng thực hiện, khởi xướng hoặc kiểm soát hành động chưa phải là điều kiện đủ để xác định bất cứ chuỗi vị từ xuất hiện liên tiếp nhau nào cũng là kết cấu vị từ chuỗi.

Tiếp đến là các SVC trong đó các vị từ có chung đối tượng của hành động, và đối tượng này được phân nhiều vai nghĩa khác nhau theo sự chi phối của từng vị từ trong chuỗi. Ví dụ:

 Mình đem thằng Dế này quẳng ra ao cho “xừ” vịt bầu sực một bữa

 Tác thể V1 Đối thể V2 Hướng Đích1 V3 Đích2 V4 Đối thể

 Tiếp thể

 Đắc lợi thể

 Thụ thể Tác thể

trong đó *thằng Dế này* vừa là Đối thể của V1 *đem* và V2 *quẳng*, vừa là Thụ thể của V3 *sực*; *ao* là Đích đối với V1 *đem* và V2 *quẳng*; “*xừ” vịt bầu* vừa là Đích của V2 *quẳng,* vừa là Tiếp thể/Đắc lợi thể đối với V3 (Đồng vị từ - coverb) *cho* và là Tác thể của V4 *sực*. Tương tự,

* Anh kể chuyện đời mình cho tôi chép lại

Tác thể V1 Đối thể V2 Tiếp thể/Tác thể V3

 Đắc lợi thể

 Tuy nhiên, nếu phân tích như vậy thì mới chỉ quan tâm đến các thành tố do đại từ hoặc danh ngữ biểu thị mà chưa phân tích xem bản thân các vị từ khác trong chuỗi có được vị từ chi phối phân cho vai nghĩa gì hay không. Các vị từ không kết hợp với nhau thành chuỗi một cách tùy ý, không có lý do ngữ nghĩa hay quan hệ nghĩa. Không phải cứ có chung Tác thể là *thở ngắn* kết hợp được với *than dài (*trong *Hắn thở ngắn than dài)*, *nằm im* với *giả chết*, hay *ca hát* với *nhảy múa*. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập cấu trúc nghĩa tổng thể của câu.

Các tổ hợp lớn hơn trong các trường hợp trên là *gảy đàn thổi sáo, ca hát nhảy múa* tạo thành các SVC cân xứng, trong đó các vị từ này kết hợp với nhau một cách bình đẳng, thể hiện các hành động thường gắn với nhau hoặc luân phiên nhau do cùng một Tác thể thực hiện trong một sự tình tổng thể đơn nhất. Đó là lý do ngữ nghĩa khiến chúng có thể kết hợp được với nhau.

Tương tự, trong trường hợp

* Gà nằm im giả chết

*giả chết* là một SVC Sự tình, trong đó *giả* là một vị từ khuyết nghĩa, đòi hỏi một vị từ khác đi kèm để bổ nghĩa; tiếp đó, SVC này lại tạo thành SVC lớn hơn gồm *nằm* và *giả chết*, trong đó *giả chết* đảm nhiệm vai Mục đích mà vị từ *nằm* phân công: *gà nằm im để làm gì?* Như vậy, cấu trúc nghĩa của câu sẽ là:

* Gà nằm im giả chết

Tác thể V1 Phương thức Mục đích

Tác thể V2 Sự tình

Nghiệm thể V3

Trong các SVC vừa nêu, các vị từ có thể chung nhau một hai tham thể nào đó, và những tham thể này thường đứng ở vị trí chủ ngữ và/hoặc tân ngữ trong câu. Song có nhiều trường hợp dường như giữa các vị từ chẳng có tham thể nào chung cả, chẳng hạn:

* Máu chảy thành sông

*thành* kết hợp với *chảy* có quan hệ nghĩa rất rõ ràng: *máu chảy (nhiều) đến mức nào – máu chảy (đến mức) thành sông*, hoặc quan hệ hành động-kết quả: *máu chảy* nên kết quả là *thành (dòng) sông*, hay *dòng sông* được tạo thành từ *máu chảy*. Hai vị từ không có tham thể chung mà chỉ mô tả căn nguyên dẫn tới một kết quả nào đó, hay một hành động tạo ra một sản phẩm nào đó. Trường hợp sau cũng vậy:

* Mẹ đã đào bới, bê đắp tinh tươm thành hang thành nhà cho anh em chúng tôi (Tô Hoài)

Việc *đào bới, bê đắp tinh tươm* dẫn tới sản phẩm là hang là nhà cho anh em Dế Mèn. Như vậy, ngữ trị – khả năng kết hợp của vị từ trong trường hợp này – đã cho phép chúng kết hợp chặt chẽ với vị từ hay đồng vị từ khác để tạo ra các nghĩa mới; các kết hợp đó có cấu trúc ổn định và khác biệt với các kết hợp tự do khác. Theo đó, có thể coi những kết hợp này là kết cấu SVC được, có nghĩa là SVC tiếng Việt bao gồm cả những kết cấu mà các vị từ không có tham thể chung.

Tóm lại, như chúng tôi đã thảo luận (2011), các vị từ trong SVC tiếng Việt có thể chung tham thể, cũng có thể không. Nói cách khác, đặc trưng “chung tham tố” (argument sharing) mà nhiều tác giả đưa ra làm tiêu chí phân biệt SVC với các kết cấu khác “không phải xuất phát từ việc phân tích từng ngôn ngữ cụ thể trên thế giới”, như Collins (1997) đã cho biết, và ngay thuật ngữ “argument sharing” cũng thể hiện sự quan tâm của họ tới mặt cú pháp của câu, trong khi giữa tham thể và tham tố không hoàn toàn có quan hệ tương liên một-đối-một, và cần phải quan tâm tới các quan hệ nghĩa ràng buộc các vị từ lại với nhau trong chuỗi. Giả thiết Chung Chủ ngữ SSH của Lee (1992) “cả hai vị từ trong chuỗi nhất thiết phải chung nhau chủ ngữ thì quá trình sáp nhập ấy [sáp nhập cấu trúc tham tố của hai vị từ] mới có thể diễn ra” cũng chỉ là giả thiết, có thể đúng với tiếng Hàn và/hoặc một số ngôn ngữ nào đó chứ khó có thể phù hợp với đặc thù của SVC tiếng Việt.

Khi các vị từ có tham thể chung thì tham thể chung ấy có thể:

1. đồng thời là đối tượng thực hiện, kiểm soát hoặc khởi xướng hành động trong nhiều tiểu sự tình thuộc một sự tình phức hợp, đơn nhất, và vai nghĩa phổ biến, bao trùm của đối tượng này là Tác thể (Agent), ví dụ như *Anh* vừa là Tác thể đối với *châm* vừa là Tác thể đối với *hút; thuốc* là Thụ thể (Patient) của cả *châm* và *hút* trong *Anh châm thuốc hút;* hay *Non sông* là Tác thể của cả *vẫy* và *gọi* trong *Non sông đang vẫy gọi thanh niên lên đường;*
2. đồng thời tham gia các tiểu sự tình khác nhau với các vai nghĩa khác nhau trong một sự tình phức hợp, đơn nhất như *mẩu bánh* là Đối thể (Theme) đối với *nhặt*, đồng thời lại là Thụ thể đối với *ăn* trong *Thằng bé nhặt mẩu bánh dưới đất lên ăn;* hay *thanh niên* có thể là Hướng (Direction) đối với *vẫy*, đồng thời là Tiếp thể/Nghiệm thể (Recipient/Experiencer) đối với *gọi*, và là Tác thể của *lên đường* trong *Non sông đang vẫy gọi thanh niên lên đường.*

Điều đáng lưu ý là tham thể chung của các vị từ trong chuỗi không phải lúc nào cũng nhất thiết phải có mặt, như trường hợp đã dẫn (Bisang, 1995):

* muốn biết được thua phải đi hỏi.

Vì chủ ngữ đối với các vị từ trong câu đều vắng mặt nên trường hợp này có đôi chút mập mờ (ambiguity): có thể hiểu là

1. nếu chúng ta/ anh/chị muốn biết chúng ta/ anh/ chị được hay thua thì chúng ta/ anh/ chị phải đi hỏi [người khác biết về việc đó]
2. nếu chúng ta/ anh/chị muốn biết ai được ai thua thì chúng ta/ anh/chị phải đi hỏi [người khác biết về việc đó]

Tuy nhiên, dù hiểu theo phương án (i) hay (ii) cũng thấy rõ mỗi chuỗi trong câu này có một tham thể chung:

* SVC1: *muốn* và *biết* chung nhau Tham thể 1 (*ai* muốn biết?);
* SVC2: *được* và *thua* chung nhau một hoặc hai tham thể; nếu là một tham thể thì đó là Tham thể 1 (ví dụ *nếu chúng ta muốn biết chúng ta được hay thua*); còn nếu là 2 tham thể thì đó là các đối tượng khác (ví dụ *nếu chúng ta muốn biết ai được ai thua*);
* SVC3: *đi*, *hỏi* chung nhau Tác thể và Tác thể này trùng với Tham thể 1. *phải* là trợ động từ tình thái (modal auxiliary) theo cách phân loại thông thường, và không được coi là một thành tố tạo nên SVC, do vậy SVC3 chỉ gồm *đi* và *hỏi* mà thôi*.*

 Việc phân chia câu trên thành các SVC khác nhau, mỗi SVC có thể có các SVC con hoặc SU (serial unit – đơn vị chuỗi) thành phần, chứ không phải toàn bộ câu là một SVC lớn với 6-7 vị từ là do chúng có cấu thành một sự tình đơn nhất và có tính đơn cú hay không.

 Ngoài ra, khi các vị từ trong chuỗi chung tham thể, một hệ quả quan trọng nữa là chúng làm tăng ngữ trị của vị từ, đặc biệt là nội động từ, nhờ đó, cấu trúc câu có khả năng mở rộng cao. Chẳng hạn, các nội động từ chỉ tư thế như *đứng, ngồi, nằm*, như đã phân tích, chỉ đòi hỏi một tham thể nòng cốt duy nhất là Tác thể:

* Mẹ ngồi.
* Em đứng.
* Đại Lãn nằm.

Song khi được kết hợp với tham thể Mục đích – một tham thể có khả năng kết hợp rất rộng, gần như có thể tham gia vào bất cứ cấu trúc nghĩa nào, như trong một số ví dụ đã dẫn:

* Em đứng trên cầu đợi anh
* Đại Lãn nằm chờ dưới gốc sung
* Sáng hôm sau, Điền ngồi viết

thì ngữ trị của các nội động từ *đứng, ngồi, nằm* được gia tăng nhờ ngữ trị mà vị từ tiếp theo đảm nhiệm vai Mục đích đem lại. Đến lượt nó, vị từ đảm nhiệm vai Mục đích có thể tiếp tục được gia tăng ngữ trị nhờ các thành phần tiếp theo:

* Chàng ngồi viết thư cho nàng thổ lộ mối tình bấy lâu ấp ủ.

Cấu trúc nghĩa của câu này có thể phân tích như sau:

Chàng ngồi viết thư cho nàng thổ lộ …

Tác thể V1 Mục đích1

 V2 Đối thể Tiếp thể Mục đích2

 V3

… thổ lộ mối tình (bấy lâu ấp ủ)

 V3 Đối thể (mệnh đề phụ, bổ nghĩa cho *mối tình*)

Với cách phân tích này, SVC của câu bao gồm V1 V2 V3, trong đó V2 và V3 đều đảm nhiệm vai Mục đích, nhưng chỉ có V2 chịu sự phân vai của V1. Điều thú vị là hai tham thể Tiếp thể và Mục đích 2 không chỉ do V2 phân vai mà còn do Đối thể *thư[[2]](#footnote-3)*, bởi *thư* đòi hỏi phải có một Tác thể người viết/gửi và một Tiếp thể người nhận/đọc, đồng thời còn đòi hỏi một đối tượng trung chuyển như bưu điện, hoặc hiện nay là nhà cung cấp dịch vụ internet nếu đó là thư điện tử. Công trình trước của chúng tôi (2008) đã lập luận rằng đối tượng này có thể được phân vai nghĩa Tiếp thể Trung gian hoặc Công cụ - một vai Chu tố Mặc định trong cấu trúc nghĩa của câu. Cũng trong công trình này, chúng tôi đã chứng tỏ bản chất và quan hệ giữa các đối tượng tham gia sự tình cũng tác động tới vai nghĩa của chúng, tức là vai nghĩa không chỉ do động từ phân công mà còn do các thành phần khác nữa. Nói cách khác, việc quyết định cấu trúc nghĩa của câu không chỉ phụ thuộc vào động từ, mà còn vào danh từ, tính từ, v.v. như *thư,* hay *chăm/lười* trong nhiều ví dụ đã dẫn. Điều này cũng là hợp lý, bởi ngữ trị không phải là đặc hữu của riêng động từ, mà các từ loại khác như danh từ, tính từ và giới từ cũng có; đồng thời, ngữ trị không chỉ giới hạn trong khả năng kết hợp ngữ nghĩa mà còn cả khả năng kết hợp cú pháp của từ (Lyon, 1995; Đinh Văn Đức, 2001; Jackendoff, 2002; và nhiều tác giả khác). Vai Mục đích 2 do *thổ lộ* đảm nhiệm cũng do *thư* chi phối, nhưng nó không phải là tham thể nòng cốt (Diễn tố) mà chỉ là một chu tố mà thôi. Còn thành phần *bấy lâu ấp ủ* là mệnh đề phụ bổ nghĩa, làm rõ cho *mối tình* nên không tham gia vào kết cấu SVC. Đến lượt nó, danh từ *mối tình* đòi hỏi phải có hai đối tượng [+Người] tham gia, một người yêu và một người được yêu, với vai nghĩa thực chất gần như nhau và có thể gọi là Cảm thể (Senser/ Sensor) hoặc Nghiệm thể (Experiencer), mặc dù người yêu dường như có phần chủ động hơn người được yêu, giống như trường hợp với động từ *hôn* (Kiss – Kisser và Kissee) mà Gasser (2006) đã phân tích. Do đối tượng người được yêu đã xuất hiện trong câu từ trước (Tiếp thể *nàng*) nên sau *mối tình*, đối tượng này không cần phải thể hiện hiển ngôn nữa.

Dĩ nhiên, cũng có thể biện luận rằng *thổ lộ mối tình bấy lâu ấp ủ* là một mệnh đề phụ bổ nghĩa cho *thư*: *thư nào? – bức thư thổ lộ mối tình bấy lâu ấp ủ*, hay đúng hơn là *bức thư mà trong đó chàng thổ lộ mối tình (mà chàng bấy lâu ấp ủ)*, trong đó *thư* nhận vai nghĩa Địa điểm (Location) theo sự phân vai của *thổ lộ*. Đồng thời, *cho* trong trường hợp này không được tính là một thành tố trong SVC bởi ở đây *cho* chỉ đơn thuần là giới từ đánh dấu vai Tiếp thể mà thôi.

Theo Aikhenvald (2006), SVC thường được sử dụng làm cơ chế tăng ngữ trị để đánh dấu sự gây khiến, lợi ích, công cụ, liên đới hoặc liên kết. Chúng có thể cho phép đưa thêm tham thể đảm nhiệm chức năng tân ngữ trực tiếp cũng như nhiều tham thể khác nữa. Trong SVC gia tăng ngữ trị, *cho* thường tạo nên các kiến trúc gây khiến, hoặc đánh dấu vai Tiếp thể/Đắc lợi thể, như những ví dụ trên cho thấy. Còn tham thể Công cụ có thể kết hợp thêm tham thể thứ hai (tân ngữ thứ hai):

- Ông dùng dao cắt bánh.

Các đồng động từ khác cũng thường được sử dụng để đưa thêm tham thể vào cấu trúc nghĩa của câu.

Một cách thức mở rộng câu bằng phương thức gia tăng ngữ trị nữa là kiểu kết cấu SVC khá thú vị sau:

* Ông Thanh tra nhờ tôi bảo anh nhắc cậu em anh khuyên bạn cậu ấy ra đầu thú để hưởng khoan hồng của pháp luật.

Đây là dạng mở rộng câu mà tiếng Anh phải sử dụng đến các động từ nguyên dạng liên tiếp nhau (catenative infinitive):

* The Inspector asked me to tell you to remind your brother to advise his friend to submit himself to enjoy mercy by the law.

Các vị từ đều chung tham thể, trong đó Tiếp thể của vị từ này tiếp tục là Tác thể của vị từ tiếp theo, ngoại trừ *ra đầu thú* và *hưởng* chỉ có chung Tác thể/Đắc lợi thể *cậu ấy*. Tuy nhiên, câu có SVC dài và phức tạp như thế này không xuất hiện nhiều trong thực tế, bởi lẽ khi có quá nhiều đối tượng tham gia nhiều tiểu sự tình khác nhau, vượt quá phạm vi cảm nhận hoặc quan niệm văn hóa thông thường thì chúng khó có thể được tri nhận như một SVC tổng thể, thể hiện chỉ một sự tình đơn nhất. Vậy sự tình đơn nhất được hiểu như thế nào trong tiếng Việt, chúng tôi xin tiếp tục thảo luận sau đây.

## 2.3 Sự tình đơn nhất

Theo nhiều tác giả, việc hiểu SVC như một vị thể đơn nhất thường gắn với trực giác của người bản ngữ. Có những sự tình mà đối với người nói ngôn ngữ phi SVC là những sự tình có độ tách biệt tương đối và được thể hiện bằng các vị thể khác nhau, nhưng đối với người nói ngôn ngữ SVC thì đấy lại là các tiểu sự tình trong một sự tình tổng thể đơn nhất. Ví dụ, trong

* Những gã tài hoa thì gảy đàn thổi sáo cùng nhau ca hát nhảy múa linh đình đến tận sáng bạch (Tô Hoài)
* Người ơi uống nước xơi trầu

Lắng nghe Quan Họ đôi câu tâm tình

*ca hát*, *nhảy múa, gảy đàn* và *thổi sáo* là những sự tình khác nhau, có độ tách biệt tương đối, và người cụ thể thực hiện những hành động ấy có thể khác nhau, nhưng ở đây người Việt lại coi chúng là các tiểu sự tình trong một sự tình tổng thể chung: việc vui chơi của *những gã tài hoa*. Tương tự, *uống nước* và *xơi trầu* là hai việc khác nhau, một người khó có thể làm cùng một lúc, nhưng trong văn hóa Việt Nam nói chung, những hành động đó thường gắn với nhau, vì vậy được coi là một sự tình tổng thể đơn nhất. Một ví dụ khác:

* Hắn mua một con chim thả vào lồng trao cho vợ (Nam Cao)

Việc *mua chim, thả chim vào lồng* và *trao cho vợ* trong tiếng Anh là ba sự tình khác nhau, được thể hiện bằng 3 động từ được chia (finite verbs) khác nhau, và thông thường vẫn phải lặp lại đối tượng *con chim* ở các động ngữ phía sau bằng cách sử dụng đại từ:

* He bought a birdi, put iti in a cage and handed (iti) to his wife.

Nhưng trong tiếng Việt, đây lại là một chuỗi các tiểu sự tình lần lượt, liên tiếp xảy ra theo một quá trình trong một sự tình trao/tặng phức hợp, và Đối thể *một con chim* – vật trao/tặng chỉ xuất hiện một lần thay vì 3 lần như trong câu tiếng Anh tương ứng. Hình 1 sau đây sẽ giúp hình dung sự tình tổng thể này một cách rõ ràng hơn, với các mũi tên chỉ lộ trình (trajectory) của Đối thể từ vị trí 1 (thuộc phạm vi kiểm soát-sở hữu của một người bán X nào đó) tới vị trí 2 thuộc tiểu sự tình *mua*, rồi từ vị trí 2 sang vị trí 3 thuộc tiểu sự tình *thả vào lồng*, vẫn nằm trong phạm vi kiểm soát-sở hữu của Tác thể (người trao/tặng *hắn*), và cuối cùng là từ vị trí 3 sang vị trí 4, thuộc phạm vi kiểm soát-sở hữu của Tiếp thể (người nhận *vợ*) thuộc sự tình *trao*, với Đồng vị từ *cho* đánh dấu Tiếp thể cũng đồng thời là Đắc lợi thể.

Người trao/tặng

Người nhận

Vật trao/ tặng

Phạm vi kiểm soát – sở hữu của Người trao/tặng

Phạm vi kiểm soát – sở hữu của Người nhận

Vị trí 1

Vị trí 2

Vị trí 3

Vị trí 4

**Hình 1. Sự tình *Hắn mua một con chim thả vào lồng trao cho vợ***

(theo Newman, 1996)

Nhưng trong trường hợp sau với *mua,* sự tình lại được nhìn nhận theo một góc nhìn (perspective) khác:

* Bà mua nốt cho con chỗ rươi này (Nguyên Hồng)

Người mua

Người bán

Vật trao đổi 2

Phạm vi kiểm soát – sở hữu của Người mua

Phạm vi kiểm soát – sở hữu của Người bán

Ân huệ

Vật trao đổi 1 ($)

**Hình 2. Sự tình *Bà mua nốt cho con chỗ rươi này***

(theo Newman, 1996)

Như hình 2 cho thấy, giữa người mua và người bán có tới 3 tiểu sự tình (sub-event SE) trao/tặng xảy ra:

1. SE1: người mua trao vật trao đổi 1 (tiền) cho người bán
2. SE2: người bán trao vật trao đổi 2 (*chỗ rươi*) cho người mua
3. SE3: toàn bộ việc *mua* *nốt chỗ rươi* của người mua là làm ơn cho người bán, tức là người mua trao/ban Ân huệ cho người bán, vì vậy mà người bán được đánh dấu vai Đắc lợi thể bằng *cho[[3]](#footnote-4)*.

Dĩ nhiên SE2 có thể xảy ra trước E1 một chút, song thứ tự này không quan trọng, bởi thực sự các tiểu sự tình SE này xảy ra gần như đồng thời, SE này làm điều kiện tiên quyết của SE kia. Cả 3 tiểu sự tình trao tặng này nằm trong một sự tình phức hợp, đơn nhất *Bà mua nốt cho con chỗ rươi này*, trong đó *mua nốt* là một loại SVC hành động-kết quả, tương tự như *giết chết, đánh vỡ*, và *mua nốt +* Đồng vị từ *cho* tạo thành SVC lợi ích, với *cho* đánh dấu vai Đắc lợi thể. Thế nhưng trong tiếng Anh, toàn bộ sự tình *mua* chỉ được diễn đạt bằng một vị thể đơn nhất mà thôi:

* Please, (you) buy up this amount of *Nereidae* for me!

Như vậy, kết cấu SVC liên hệ những sự tình nào vốn vẫn được tri nhận là thường đi liền với nhau theo trải nghiệm hoặc những chuỗi sự tình quan trọng đi kèm với nhau trong văn hóa.Điều này cũng có nghĩa là không phải các vị từ kết hợp với nhau theo chuỗi một cách tuỳ ý mà có những yêu cầu, giới hạn về nghĩa và cú pháp, trong đó có những đặc điểm mang tính đặc thù về văn hoá. Một chức năng quan trọng của vị từ chuỗi là mô tả các sự tình phức hợp có tính cố kết về văn hoá. Cũng vì thế, không phải bất cứ chuỗi mệnh đề hay chuỗi sự tình nào cũng là SVC. Ví dụ, trong tiếng Alamblak, chuỗi tiểu sự tình sau tạo thành một kết cấu vị từ chuỗi:

(Bruce 1988:29)

m~~i~~yt ritm muh-hambray-an-m

tree insects climb-search:for-1sg-3pl

 I climbed the tree searching for insects

 “Tôi trèo lên cây bắt sâu”

nhưng cũng chuỗi vị từ ấy trong

\*m~~i~~yt guñm muh-hëti-an-m

tree stars climb-search:for-1sg-3pl

 I climbed the tree seeing the stars

 “Tôi trèo lên cây ngắm sao”

lại không thể chấp nhận là SVC, không phải là vì hai hành động ấy hiếm khi xảy ra cùng nhau mà là vì chẳng có lý do rõ ràng nào gắn việc ngắm sao với việc trèo lên cây cả; vả lại, các vì sao thì đứng dưới đất cũng ngắm được. Chỉ khi nào việc trèo lên cây ngắm sao là có lý do xác đáng thì chuỗi vị từ ấy mới có thể được coi là một SVC, ví dụ:

 m~~i~~yt guñm muh-h~~i~~ti-marña-an-m

tree stars climb-see-well-1sg-3pl

 I climbed the tree seeing the stars clearly

 “Tôi trèo lên cây ngắm sao cho rõ”

Qua đó, Bruce (1988:30) đưa ra hạn chế ngữ nghĩa-ngữ dụng đối với việc kết hợp vị từ trong SVC là chỉ giới hạn “trong những chuỗi sự tình nào thường gắn kết với nhau về mặt văn hóa hay có lý do ngữ dụng hoặc cơ sở văn hóa liên kết chúng lại với nhau.” Những hạn chế về ngữ nghĩa và ngữ dụng ấy đối với việc kết hợp vị từ có thể dẫn tới các SVC không có tính thành tố về nghĩa. Chẳng hạn, tiếng Tariana có kết cấu SVC mà dịch từng từ ra là “anh ấy-ngủ anh ấy-ăn anh ấy-đi loanh quanh”, với nghĩa là “đi săn” hoặc “đi đánh cá nhiều ngày”. Đây là thông lệ khi mô tả một cuộc săn hay đánh cá truyền thống trong văn hóa của người nói thứ tiếng này (hiện nay tiếng Tariana đang đe dọa tuyệt chủng vì chỉ còn khoảng 100 người nói ở vùng Amazon, Brazil) này. Nghĩa của cả kết cấu không phải là tổng hợp nghĩa của các thành tố gộp lại và không có thành tố nào thay thế được bằng bất kỳ một vị từ nào khác. Như vậy là các tiểu sự tình truyền thống trong cả hoạt động săn bắn/ đánh cá của người Tariana đã được từ vựng hóa (lexicalized). Các ví dụ tương tự cũng có thể thấy nhiều trong các ngôn ngữ SVC khác. Có thể thấy ví dụ trong tiếng H’mông: việc vừa nhảy múa vừa thổi khèn là những hành động hiếm khi tách rời trong văn hóa của họ nên chuỗi động từ này tạo thành một SVC (nhưng khi chuyển sang tiếng Việt được rút gọn là *múa khèn* thì không còn là SVC nữa) (Bruce, 1988).

Khi xem xét kết cấu để xác định chúng có phải là một sự tình đơn nhất, dẫn tới kết cấu SVC hay không, cần tìm hiểu hành động hoặc trạng thái mà vị từ thứ hai trong chuỗi thể hiện có phải là sự phát triển của hành động do động từ thứ nhất mô tả hay không; vị từ thứ hai là sự phát triển thêm, là kết quả, hậu quả, mục tiêu, mục đích, v.v. của hành động do vị từ thứ nhất biểu thị hay không. Có thể SVC mô tả một sự tình đơn nhất theo chuỗi nhân quả, còn các cấu trúc ghép có thể chỉ là chuỗi hành động (sự tình) có liên hệ với nhau về nghĩa hoặc không tuỳ theo ngữ cảnh.

Tuy nhiên, khái niệm ‘một sự tình đơn nhất’ không dễ xác định vì ranh giới chính xác giữa một sự tình đơn nhất với một sự tình lớn bao gồm nhiều tiểu sự tình bên trong thực ra khá mờ. Vì vậy, khi nói đến sự tình đơn nhất mà SVC thể hiện, người ta còn phải xét đến tính đơn cú (monoclausality) của chúng nữa. Kiến trúc vị từ chuỗi có tính đơn cú và không cho phép các thành tố của chúng bị đánh dấu sự phụ thuộc cú pháp. Đây là một trong những tiêu chí phân biệt kết cấu vị từ chuỗi với sự phối hợp, kế tiếp, các mệnh đề bổ ngữ, mệnh đề phụ thuộc hoặc các cấu trúc đa cú khác (thường có dấu hiệu đánh dấu hiển ngôn). Chính vì vậy, diễn giải một SVC thành 2 mệnh đề có thể dẫn tới những câu vi phạm ngữ pháp hay lạ lẫm về ngữ nghĩa, ví dụ:

*Hắn đánh vỡ cái bát*

*?Hắn đánh cái bát và/nên cái bát vỡ*

Rõ ràng là không ai *đánh cái bát* cả mà *đánh vỡ* thuần túy thể hiện sự vô tình ([-volition]), lỡ tay làm cái bát vỡ mà thôi. Nhưng *hắn đập vỡ cái bát* thì có thể hiểu là *hắn (chủ đích) đập cái bát* và/nên *cái bát vỡ*. Ngay cả khi SVC có thể diễn giải được thành 2 mệnh đề thì vẫn có khác biệt ngữ nghĩa. Chẳng hạn như SVC trong *Con hổ cắn chết con lợn* mô tả một sự tình: việc con lợn chết là hậu quả trực tiếp, ngay lập tức của việc nó bị con hổ cắn. Còn khi diễn tả *Con hổ cắn con lợn chết,* câu có thể mập mờ, gây ra các cách hiểu khác nhau.

Tương tự, trong tiếng Việt hay tiếng Thái (Kingkarn, 2010), tiếng Hàn, những sự tình sau là những sự tình đơn nhất, với các phương diện, khía cạnh khác nhau của sự tình, hoặc những tiểu sự tình được thể hiện bằng các vị từ trong SVC:

* Non sông đang vẫy gọi thanh niên lên đường
* Anh ta gật đầu đồng ý
* 저는 시장에 야 채 를 사 러 갑 니 다

Jeo-nun sijang-e yache-reul sa-reo kam-ni-ta

I-TOP market-pP vegetable-ACC buy-2ndV go-IND[[4]](#footnote-5)

 “I go to the market to buy vegetables” (Tôi đi chợ mua rau)

nếu diễn đạt các tiểu sự tình bằng các mệnh đề độc lập:

* \*Non sông đang (kêu) gọi thanh niên để thanh niên lên đường bằng cách vẫy (tay) (?!)
* Anh ta đồng ý bằng cách gật đầu
* Tôi đi chợ để/rồi/và mua rau

sẽ dẫn tới những câu lạ lẫm, khó chấp nhận được đối với người bản ngữ, trừ trường hợp có lý do đặc biệt, đòi hỏi các phương diện, khía cạnh đó của sự tình tổng thể được nhấn mạnh và thể hiện hiển ngôn.

Một điểm phân biệt nữa giữa vị từ chuỗi với các kết cấu đa vị từ khác là chỉ sử dụng 1 tiểu từ phủ định (negator) trong 1 chuỗi, và phạm vi phủ định có thể là từ ngay sau từ phủ định hoặc toàn bộ chuỗi. Khi trật tự câu bị thay đổi, phạm vi phủ định cũng thay đổi, dẫn tới khác biệt ngữ nghĩa:

*Anh ấy không ngồi viết thư (mà ngồi làm gì đó)*

*Anh ấy không viết thư ngồi??? (đứng viết??)*

## 2.4 Từ đa nghĩa và từ đồng âm

 Như mọi ngôn ngữ khác, tiếng Việt có rất nhiều từ đa nghĩa, từ đồng âm và từ phái sinh, trong đó có từ tham gia vào kết cấu SVC, có từ không. Ngay cả đối với cùng một từ đa nghĩa, không phải ở nghĩa nào nó cũng có thể tham gia vào kết cấu SVC được. Việc phân biệt được chúng để xác định kết cấu nào đúng là SVC, kết cấu nào không cũng có thể gặp khó khăn nhất định.

 Những ví dụ về các kết hợp giữa *ăn* với một số từ khác ở phần trước đã minh họa cho nhận định này. Trong kết hợp như:

* Làm ruộng ăn cơm nằm

Nuôi tằm ăn cơm đứng

*ăn cơm nằm/đứng* tạo thành SVC phương thức, và nếu như được rút gọn, chính *ăn* lại nhường chỗ cho *cơm* chứ không phải là *cơm* bị lược bỏ:

* Làm ruộng cơm nằm

Nuôi tằm cơm đứng

bởi khi *cơm* bị lược bỏ, *ăn đứng* còn có thể chấp nhận được là một SVC phương thức, nhưng *ăn nằm* thì đã là một tổ hợp có sẵn với nghĩa khác rồi.

 Rõ hơn cả là các đồng vị từ và giới từ sau đây (Sophana, 1997):

* Lan chăm chỉ viết thư về nhà.
* Chị ấy gọi như hét vào tai.
* Bà ngã lăn ra đất.

*về*, *vào* và *ra* ở các ví dụ trên là các giới từ chứ không phải là đồng động từ, và vì vậy chúng không phải là một thành phần tạo nên SVC. Như vậy, phải lưu ý đến chức năng của từ trong câu để có cách nhìn phù hợp, như Clark (1978) đã chỉ rõ: một là các động từ chuyển động có hướng (directional verbs) *vào, ra, lên, xuống*, v.v. có thể độc lập tạo thành vị ngữ trong câu, ví dụ như những câu sau trong “Ta đi tới” của Tố Hữu:

Ai qua Phú Thọ

 Ai xuôi Trung Hà

 Ai về Hưng Hóa

 Ai xuống Khu Ba

 Hai là các động từ và đồng động từ (co-verb) *ra, vào, lên, xuống, về, cho* v.v. tạo thành các kết cấu SVC như

* Bính đưa quà bánh vào thăm Năm. (Nguyên Hồng)
* Bính mời bà cụ lại hàng mình, nhường cái ghế con cho bà cụ ngồi. (Nguyên Hồng)
* Họ lại lũ lượt rủ nhau đi lên núi (Truyện cổ tích Việt Nam)
* Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống. (Tô Hoài)
* Tôi tìm về nơi am thanh cảnh vắng này. (Tô Hoài)

Ba là các từ đồng âm *ra, vào, lên, xuống, về*, v.v. đơn thuần là giới từ chỉ phương hướng, vị trí, v.v. nên không phải là một thành phần của SVC, ví dụ:

* ... sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy. (Tô Hoài)
* Vừng ơi! Mở [cửa] ra! (Nghìn lẻ một đêm)
* Khi nghĩ về một đời người, tôi thường nghĩ về rừng cây (Trần Long Ẩn)

Trong các ví dụ trên, có thể để ý thấy hai từ đồng âm *lại*, với nghĩa khác nhau và *mời bà cụ lại hàng mình* tạo thành kết cấu SVC bởi *lại* còn có ý nghĩa chuyển động hoặc phương hướng chuyển động, có thể thay thế được bằng các vị từ hoặc đồng vị từ chỉ phương hướng khác như:

* Bính mời bà cụ đến hàng mình
* Bính mời bà cụ vào hàng mình
* Tôi mời cô ấy đi xem phim
* Trũi chìa càng lên mời tôi ăn (Tô Hoài)

nhưng trong *Họ lại lũ lượt rủ nhau đi lên núi, lại* chỉ là một trạng từ chỉ sự lặp lại nên không tham gia vào kết cấu SVC mà SVC chỉ gồm *rủ nhau đi lên*.

1. **KẾT LUẬN**

Như vậy, báo cáo của chúng tôi đã phân tích một số vấn đề cơ bản khi áp dụng lý thuyết và quan điểm về Kết cấu Vị từ chuỗi (SVC) ở các ngôn ngữ khác vào nghiên cứu Kết cấu Vị từ chuỗi tiếng Việt nhằm đảm bảo phản ánh đúng bản chất và đặc thù của tiếng Việt, tránh sự áp đặt máy móc và không phù hợp những cách nhìn của các ngôn ngữ SVC khác đối với tiếng Việt. Đó là các vấn đề xác định đâu là vị từ chi phối trong chuỗi để từ đó xác lập cấu trúc nghĩa của câu, vấn đề các vị từ có chung tham thể hay không và chung như thế nào để được coi là một kết cấu SVC, thế nào là một sự tình đơn nhất trong tiếng Việt, và những lưu ý khi gặp các trường hợp dễ nhầm lẫn giữa các nghĩa khác nhau của từ đa nghĩa, hoặc từ đồng âm để xác định kết cấu nào đúng là SVC, kết cấu nào không.

 Qua phân tích ở trên, có thể thấy để xác định SVC tiếng Việt, ngoài các đặc trưng chung của SVC đã được nhiều tác giả xác định, cần xét tới các điều kiện sau đây:

1. Xem xét ngữ trị của vị từ để xác định các kết hợp có thể xảy ra, trong đó có việc kết hợp với vị từ/ đồng vị từ khác;
2. Các vị từ có chung nhau tham thể nào hay không, và/hoặc các tham thể có quan hệ với nhau như thế nào;
3. Trong trường hợp có vị từ chiếm ưu thế hơn các vị từ khác, hoặc chi phối vị từ khác thì vị từ bị chi phối có đảm nhận vai nghĩa nào được phân bởi vị từ chi phối, hoặc bởi các tham thể khác trong cấu trúc nghĩa mà vị từ chi phối làm trung tâm hay không;
4. Các vị từ có kết hợp với nhau để tạo thành một sự tình tổng thể được tri nhận là một sự tình đơn nhất trong văn hóa và quan niệm của người Việt, hay chỉ xảy ra liên tiếp nhau hoặc đồng thời với nhau một cách ngẫu nhiên mà thôi;
5. Sự tình tổng thể, đơn nhất ấy được thể hiện bằng một hay nhiều mệnh đề (xem xét tính đơn cú của câu chứa SVC), và các mệnh đề ấy có quan hệ với nhau như thế nào.

Ngoài ra, cần cẩn trọng với những trường hợp từ đa nghĩa và từ đồng âm, bởi ở nghĩa này, từ có thể tham gia vào SVC, nhưng ở nghĩa khác thì không, còn từ đồng âm và từ ghép rất dễ gây nhầm lẫn giữa SVC đích thực và các kết cấu tương tự.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Aikhenvald, Alexandra Y. and Dixon, R.M.W (eds.) (2006) *Serial Verb Constructions, A Cross-Linguistic Typology*, New York: Oxford University Press
2. Baker, Mark C. (1989) ‘Object Sharing and Projection in Serial Verb Constructions’, *Linguistic Inquiry,* Vol. 20, No.4 (Autumn, 1989), pp. 513-553, Cambridge: The MIT Press. Available through <http://www.jstor.org/stable/ 4178644>, Accessed 14/03/2012 06:49
3. Bisang, Walter (1995) ‘Verb Serialization and Converbs – Differences and Similarities’, in Haspelmath, Martin and König, Ekkehard (ed.) *Converbs in Cross-Linguistic Perspective*, Berlin: Mouton de Gruyter, pp. 137 – 188
4. Bruce, L. (1988) ‘Serialisation: from syntax to lexicon’, *Studies in Language* 12.19–49.
5. Clark, Marybeth (1978) *Coverbs and Case in Vietnamese,* Pacific Linguistics Series B, No 48, Canberra: The Australian National University
6. Collins, Chris (1997) ‘Argument Sharing in Serial Verb Constructions’, *Linguistic Inquiry,* Vol. 28, No.3 (Summer, 1997), pp.461-497, Cambridge: The MIT Press. Avaiable at <http://www.jstor.org/stable/4178987>. Accessed: 14/03/2012 06:56
7. Diệp Quang Ban (2004) *Ngữ pháp Việt Nam - Phần câu*, Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
8. Đinh Văn Đức (2001) *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Gasser, Michael (2006) *How Language Works - The Cognitive Science of Linguistics 3.0*, Indiana University, http://www.indiana.edu/~hlw/ index.html, truy cập ngày 14/4/2008.
10. Jackendoff, Ray (2002) *Foundations of Language – Brain, Meaning, Grammar, Evolution.*  New York: Oxford University Press.
11. Kingkarn Thepkanjana (2010) *Properties of Events Expressed by Serial Verb Constructions in Thai*, Chulalongkorn University, Thailand
12. Lee Sookhee. (1992) *The Syntax and Semantics of Serial Verb Constructions*, PhD thesis, University of Washington
13. Lord, Carol (1993) *Historical Change in Serial Verb Constructions*, Amsterdam: John Benjamins
14. Lyons, John(1995) *Linguistic Semantics*, *An Introduction*, New York: Cambridge University Press.
15. Newman, John (1996) *Give: a Cognitive Linguistic Study,* New York: Mouton de Gruyter.
16. Nguyễn Kim Thản (1977) *Động từ trong tiếng Việt,* Hà Nội: NXB KHXH
17. Nguyễn Tài Cẩn (2004) *Ngữ pháp tiếng Việt (Tiếng – Từ ghép – Đoản ngữ)*, in lần thứ 7, Hà Nội: NXB ĐHQGHN
18. Sophana Srichampa (1997) ‘Serial Verb Constructions in Vietnamese’, *Mon-Khmer Studies* 27: 137-144

**SUMMARY**

**SOME PECULIARITIES OF VIETNAMESE SVCs**

***Lam Quang Dong\****

Serial Verb Constructions (SVC) are common in a variety of languages in the world, such as Creole languages, languages in West Africa and in South East Asia, etc. There have been numerous studies on SVCs in those languages. Unfortunately, Vietnamese SVCs have been investigated in a relatively preliminary and scattering, or incomplete and incomprehensive manner. Therefore, even in such a summative work as the one by Aikhenvald and Dixon (2006), several language-specific features of Vietnamese SVCs have not been acknowledged and discussed, or conclusions therein may not be readily applicable or appropriate to Vietnamese SVCs. The paper makes a daring presentation and discussion of some features which are believed to be specific to Vietnamese SVCs, or at least, when applied to the case of Vietnamese SVCs, those theoretical conclusions and general criteria require certain modifications to accommodate the true nature of the Vietnamese language. Following are issues proposed for discussion in this paper: (i) the governing predicator in SVCs; (ii) argument sharing in SVCs; (iii) single event represented by SVCs; and (iv) the distinctions between SVCs and other similar-looking combinations.

**\_\_\_\_\_\_\_\_**

\* University of Languages and International Studies (ULIS), Vietnam National University, Hanoi (VNU)

1. Về danh sách, tên gọi và nội dung cơ bản của một số vai nghĩa chính, xin xem Phụ lục. Xem thêm danh mục vai nghĩa trong Diệp Quang Ban (2004), Nguyễn Văn Hiệp (2008) và nhiều tác giả khác, cũng như thảo luận tổng quan về vai nghĩa trong công trình của chúng tôi (2008). [↑](#footnote-ref-2)
2. Đối thể *thư* còn được phân biệt với các Đối thể khác ở mức độ chịu tác động của hành động; nó có đặc điểm là sản phẩm hoàn thành sau khi hành động *viết* kết thúc nên còn gọi là vai Sản phẩm hay Tạo thể (Product). [↑](#footnote-ref-3)
3. Xem thêm thảo luận của chúng tôi về trường hợp này trong *Tạp chí Khoa học* Đại học Quốc gia Hà Nội số 4, tr. 56-63 tháng 12/2005 và công trình năm 2008. [↑](#footnote-ref-4)
4. (TOP topic – Chủ ngữ, pP: postposition – hậu giới từ, ACC: accusative – Đối cách (Tân ngữ), 2ndV: secondary verb – vị từ thứ cấp, IND: indicative mood – thức trần thuật) [↑](#footnote-ref-5)